TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN L** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST Ngày 12-7-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Lý

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị V Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 574/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Hồng G; nơi cư trú: Số 6/48 Đ, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Ngọc V; nơi cư trú: Số 6/48 Đ, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng G trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc V xây dựng gia đình với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/10/1995. Đến nay vợ chồng có bốn con chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống giữa hai bên không hợp nhau, anh V là người nóng tính nên anh liên tục kiếm cớ chửi mắng chị G và rất nhiều lần có hành vi bạo lực với chị G. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, chị Đặng Thị Hồng G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Ngọc V.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 19/3/1996; Trần Minh D, sinh ngày 13/7/2003; Trần Ngọc Thanh B, sinh ngày 17/8/2010 và Trần Bảo P, sinh ngày 11/12/2014. Ly hôn, con chung Trần Thị Ngọc A và Trần Minh D đã thành niên nên chị G không yêu cầu Toà án giải quyết, chị G đề nghị tòa án giải quyết giao cả hai cháu Trần Ngọc Thanh B và Trần Bảo P cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu anh V muốn nhận nuôi cả hai cháu Trần Ngọc Thanh B và Trần Bảo P thì chị G cũng đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Ngọc V trình bày: Anh và chị Đặng Thị Hồng G xây dựng gia đình với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường K, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/10/1995. Đến nay vợ chồng có bốn con chung.

Về quá trình chung sống, gia đình anh không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những khúc mắc nhỏ nhặt mà gia đình nào cũng có. Anh V thừa nhận những lúc vợ chồng cãi nhau, anh V nóng tính nên có lỡ tay tát chị G. Nay chị G xin ly hôn anh V không đồng ý vì anh chị đã có với nhau 4 con chung, anh mong muốn các con được sống trong gia đình hạnh phúc có đủ bố đủ mẹ. Trường hợp chị G kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh V xác nhận vợ chồng có 04 con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 19/3/1996; Trần Minh D, sinh ngày 13/7/2003; Trần Ngọc Thanh B, sinh ngày 17/8/2010 và Trần Bảo P, sinh ngày 11/12/2014. Nếu buộc phải ly hôn thì anh V xin được nuôi cả bốn con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Giấy báo; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và các văn bản tố tụng khác cho anh V, anh V đã nhận được các băn bản trên, tuy nhiên anh V chỉ đến Toà án làm việc một lần và trình bày quan điểm, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên toà.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ với đại diện chính quyền địa phương nơi chị G và anh V chung sống và đại diện gia đình được biết: Thời gian đầu khi chị G và anh V kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó,

chị G và anh V phát sinh mâu thuẫn, anh V thường xuyên có hành vi bạo lực với chị G. Nay, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, chị G xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung, đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của anh V chị G. Về tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị G và anh V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Thị Hồng G được ly hôn anh Trần Ngọc V; về con chung: Hai con lớn đã đủ 18 tuổi nên không xét, đề nghị giao cả hai cháu Trần Ngọc Thanh B và Trần Bảo P cho anh Trần Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác theo quy định của pháp luật, không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị G không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét; về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Trần Ngọc V hiện đang cư trú tại số 6/48 Đặng Kim Nở, phường Cát Dài, quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Trần Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, do vậy HĐXX căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Ngọc V.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hồng G và anh Trần Ngọc V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/10/1995, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh V nóng tính nên có xảy ra bạo lực gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 21/5/2023 Toà án nhận được đơn trình báo của chị Đặng Thị Hồng G với nội dung ngày 20/5/2023 anh V bạo hành chị, chị đã gọi cảnh sát khu vực và tổ trưởng dân phố vào can thiệp. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh V chỉ có mặt một lần viết bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, không tham gia phiên hoà giải cũng như hai lần vắng mặt tại phiên toà chứng tỏ anh V không thực sự mong muốn hàn gắn tình cảm với chị G. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị G yêu cầu được ly hôn anh V là phù hợp, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 19/3/1996; Trần Minh D, sinh ngày 13/7/2003; Trần Ngọc Thanh B, sinh ngày 17/8/2010 và Trần Bảo P, sinh ngày 11/12/2014. Anh V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả bốn con chung. Tuy nhiên hai con chung là Trần Thị Ngọc A và Trần Minh D đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không xét, hai con chung là Trần Ngọc Thanh B và Trần Bảo P có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng bố. Mặt khác, chị G đồng ý với quan điểm của anh V nếu anh V muốn nuôi dưỡng cả hai con. Vì vậy việc anh V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng hai bên, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí:

[8] Chị Đặng Thị Hồng G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Hồng G và anh Trần Ngọc V.

2. Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 19/3/1996; Trần Minh D, sinh ngày 13/7/2003; Trần Ngọc Thanh B, sinh ngày 17/8/2010 và Trần Bảo P, sinh ngày 11/12/2014. Hai con Trần Thị Ngọc A và Trần Minh D đã đủ 18 tuổi, giao cả 02 con chung là Trần Ngọc Thanh B, sinh ngày 17/8/2010 và Trần Bảo P, sinh ngày 11/12/2014 cho anh Trần Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Hồng G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị G đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005463 ngày 07 tháng 3 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND p. Hàng Kênh, q. L, tp Hải Phòng (GCNKH ngày 04/10/1995);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai **Phạm Thị Kim Liên** **Nguyễn Ngọc Hà**